TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXX-ST ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn S, sinh ngày 02/7/1986 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ
Anh S ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: xóm H, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/10/1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ
Chị L ủy quyền cho anh Đào Đăng D, sinh năm 2002; Nơi cư trú: khu H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ giao nhận tài liệu với Tòa án.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Ông Vũ Văn A, sinh năm 1964 (vắng mặt)
- Bà Phạm Thị X, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Văn S trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/7/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2009, quyển số 01. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Vì để phát triển kinh tế gia đình năm 2020 anh xuất cảnh sang Nhật Bản lao động. Sau khi sang Nhật Bản vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do khoảng cách địa lý xa xôi, khác biết về văn hóa, lối sống đã khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, nghi ngờ lẫn nhau, tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự thấu hiểu, đồng cảm, quan tâm đến đời sống của nhau. Năm 2024 chị L cũng đi lao động tại nước ngoài nhưng do vợ chồng mâu thuẫn từ trước nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh đã nhiều lần tìm cách nói chuyện với chị L để giải quyết thủ tục ly hôn nhưng chị L từ chối hợp tác. Nay anh nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: anh và chị L có 03 con chung là cháu Vũ Thị Khánh Q, sinh ngày 10/12/2009; cháu Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2014; cháu Vũ Gia Khiêm, sinh ngày 10/9/2018. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Q cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu V, Khiêm cho chị L người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nhưng tạm giao cháu Q, Vy, Khiêm cho ông A, bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh chị về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị trình bày giống như của anh S. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh S.

Về con chung: chị và anh S có 03 con chung là cháu Vũ Thị Khánh Q, sinh ngày 10/12/2009; cháu Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2014; cháu Vũ Gia Khiêm, sinh ngày 10/9/2018. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông A, bà X. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Q cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu V, Khiêm cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nhưng tạm giao cháu Q, Vy, Khiêm cho ông A, bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh chị về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Văn A, bà Phạm Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của anh S, chị L: Nhất trí như trình bày của anh S, chị L.

Về con chung: Anh S, chị L có 03 con chung là cháu Vũ Thị Khánh Q, sinh ngày 10/12/2009; cháu Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2014; cháu Vũ Gia Khiêm, sinh ngày 10/9/2018. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông bà tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ông bà đồng ý thay anh S, chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, cháu V, cháu Khiêm cho đến khi anh S, chị L về nước sinh sống. Ông bà không yêu cầu anh S, chị L phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh. Ông bà xác định đây vừa là quyền, nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh S, chị L phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu từ trước đến nay. Anh S, chị L hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Cháu Vũ Thị Khánh Q trình bày: cháu đang sinh sống cùng bố mẹ và ông bà tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố và ông bà nội.

Cháu Vũ Thị Khánh V trình bày: cháu đang sinh sống cùng bố mẹ và ông bà tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, anh S, chị L, ông Luận, bà X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh S, chị L, ông Luận, bà X và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227,

Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn S; xử:

Về hôn nhân: anh Vũ Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh Q cho anh Vũ Văn S và giao cháu Vũ Thị Khánh V, cháu Vũ Gia Khiêm cho chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Q, Vy, Khiêm cho ông A, bà X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh S, chị L về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do anh S, chị L, ông Luận, bà X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Vũ Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh S, chị L gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do các tài liệu của anh S, chị L gửi đến Tòa án đều không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Do đó, Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay của anh S, chị L trong các tài liệu gửi đến Tòa án. Tại kết luận giám định số 761/KL-KTHS ngày 25/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang xác định dấu vân tay của anh S, chị L tại các mục cần giám định là của anh Vũ Văn S, sinh năm 1986, chỉ bản số 121523376 và của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, chỉ bản 122120745. Vì vậy, có căn cứ xác định anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L là người ký và lập các giấy tờ *"Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Giấy ủy quyền, đơn đề nghị giám định, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*" gửi đến Tòa án.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Anh S khởi kiện xin ly hôn chị L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 5776/QLXNC-P3 ngày 24/3/2025 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L đều đã xuất cảnh qua Cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Do đó, anh S, chị L được xác định là đều đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh S, chị L đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[5]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S với chị L, Hội đồng xét xử thấy: Anh S, chị L đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn anh S và chị L chung sống hòa thuận, sau đó anh chị đi lao động tại nước ngoài. Sau khi sang nước ngoài một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh S, chị L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S với chị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: Anh S và chị L có 03 con chung là cháu Vũ Thị Khánh Q, sinh ngày 10/12/2009; cháu Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2014; cháu Vũ Gia Khiêm, sinh ngày 10/9/2018. Hiện nay các con chung đều đang sinh sống cùng ông A, bà X. Sau khi ly hôn anh S đề nghị giao cháu Q cho anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu V, Khiêm cho chị L người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nhưng tạm giao cháu Q, Vy, Khiêm cho ông A, bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh S, chị L về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao con chung của anh S, chị L, Hội đồng xét xử thấy: anh S, chị L đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, từ khi anh S, chị L đi nước ngoài lao động các cháu vẫn chung sống ổn định cùng ông Luận, bà X, các cháu phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần. Cháu Q có nguyện vọng ở với bố, cháu V có nguyện vọng ở với mẹ. Ông Luận, bà X đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung cho anh S, chị L cho đến khi anh S, chị L về nước sinh sống. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của 03 con chung và đảm bảo sự phát triển tốt nhất của

con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh S, chị L. Giao cháu Q cho anh S và giao cháu V, Khiêm cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cho ông Vũ Văn A, bà Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh S, chị L về Việt Nam sinh sống là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S, chị L, ông Luận, bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh S, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Vũ Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L, anh S đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Luận, bà X vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật

Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh S.

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

- Giao cháu Vũ Thị Khánh Q, sinh ngày 10/12/2009 cho anh Vũ Văn S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Q cho ông Vũ Văn A, bà Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh S về nước sinh sống.

- Giao cháu Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2014, cháu Vũ Gia Khiêm, sinh ngày 10/9/2018 cho chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu V, Khiêm cho ông Vũ Văn A, bà Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000436 ngày 10/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Vũ Văn S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Vũ Văn S, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ông Vũ Văn A, bà Phạm Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương